

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2020/DS-PT
Ngày: 26/8/2020
Về việc “Tranh chấp về góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Uẩn
Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yến
Ông Nguyễn Văn Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2020/TLPT-DS ngày 19/6/2020 về việc “Tranh chấp về góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 303/2020/QĐ-PT ngày 08/7/2020, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964;
Địa chỉ: Số 431/4, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An.
3. **Người kháng cáo:** Bị đơn là bà Nguyễn Thị N.

(Ông Q và bà N đều có mặt)

NHẬN THẤY:

* **Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q là trình bày:** Giữa ông và bà N có quá trình chơi hụi cụ thể như sau:

Ông là chủ hụi của dây hụi mở ngày 21 tháng 4 năm 2017 (nhằm ngày 25 tháng 3 năm 2017 Âm lịch), loại hụi 2.000.000đ (hai triệu đồng), một tháng khai

hụi một lần, ông hưởng hoa hồng số tiền là 1.000.000đ cho một kỳ khui hụi. Tiền đóng cho một kỳ hụi: Nếu hụi chết thì đóng 2.000.000đ, còn hụi sống thì đóng tiền theo cách thức lấy 2.000.000đ trừ số tiền người hốt hụi trúng, nhưng bỏ hụi ít nhất là 400.000đ gồm có 27 phần. Mãn hụi là ngày 25 tháng 5 năm 2019 Âm lịch. Bà N tham gia 2 phần. Bà N hốt hụi, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: bà N hốt hụi ngày 15 tháng 9 năm 2017 (nhằm ngày 25 tháng 7 năm 2017 Âm lịch), số tiền hốt là 28.090.000đ. Tại thời điểm bà N hốt hụi là 4 kỳ hụi chết, số tiền là 8.000.000đ, tiền hụi sống ông giao cho bà N là 20.090.000đ, 22 kỳ hụi sống, số tiền hụi sống của mỗi phần là 913.000đ.

Lần thứ hai: Bà N hốt hụi ngày 10 tháng 4 năm 2018 (nhằm ngày 25 tháng 02 năm 2018 Âm lịch), số tiền là 35.900.000đ. Tại thời điểm bà N hốt hụi là 12 kỳ hụi chết, số tiền là 24.000.000đ, tiền hụi sống ông giao cho bà N là 11.900.000đ, 14 kỳ hụi sống, tiền hụi sống của một phần là 850.000đ.

Sau khi hốt hụi, ông gặp bà N lấy tiền hụi thì bà N cho rằng bà chơi hụi dùm bà Linh nên kêu ông vào nhà bà Linh lấy tiền hụi, ông không đồng ý vì ông chơi hụi với bà N nên yêu cầu bà N trả tiền hụi chết. Bà N không đóng hụi chết từ tháng 11 năm 2018 Âm lịch nên bà N còn nợ 7 kỳ hụi chết với số tiền 28.000.000đ. Do đó, ông yêu cầu bà N trả cho ông số tiền 28.000.000đ. Đồng thời, yêu cầu bà N trả tiền lãi, tính từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 Âm lịch cho đến ngày 25 tháng 12 năm 2019 là 13 tháng, với tiền lãi là $28.000.000đ \times 1,5\% \text{ tháng} \times 13 \text{ tháng} = 5.460.000đ$. Đồng thời, yêu cầu bà N trả tiền một lần, hạn cuối cùng trả toàn số tiền là ngày 11 tháng 4 năm 2020.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà N trả tiền hụi, cụ thể như sau:

Phần hụi bà N hốt ngày 25 tháng 7 năm 2017 Âm lịch, một kỳ hụi sống đóng số tiền là 913.000đ, bà N còn nợ 7 kỳ hụi nên yêu cầu số tiền là $913.000đ/\text{kỳ} \times 7 \text{ kỳ} = 6.391.000đ$.

Phần hụi bà N hốt vào ngày 25 tháng 02 năm 2018 Âm lịch, một kỳ hụi sống đóng số tiền là 850.000đ, bà N còn nợ 7 kỳ hụi nên yêu cầu bà N trả số hụi tiền là $850.000đ/\text{kỳ} \times 7 \text{ kỳ} = 5.950.000đ$, tổng tiền hụi gốc là: 12.341.000đ. Đồng thời, yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi là 0,83%/tháng, thời gian tính lãi là từ khi mãn hụi đến ngày khởi kiện, 7 tháng với số tiền là: $12.341.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 7 \text{ tháng} = 717.012đ$. Tổng số tiền ông Q yêu cầu bà N trả cho ông là 13.058.012đ.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà thống nhất với nội dung ông Nguyễn Văn Q trình bày đối với dây hụi mở ngày dây hụi mở ngày 21 tháng 4 năm 2017 (nhằm ngày 25 tháng 3 năm 2017 Âm lịch), bà có tham gia chơi hụi 2 phần và đã hốt hụi cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Bà hốt hụi ngày 15 tháng 9 năm 2017 (nhằm ngày 25 tháng 7 năm 2017 Âm lịch), số tiền hốt là 28.090.000đ, ông Q đã giao đủ tiền hụi cho bà. Tại thời điểm bà hốt hụi là 4 kỳ hụi chết, số tiền là 8.000.000đ, tiền hụi sống

là 20.090.000đ, 22 kỳ hui sống, hui sống đóng một lần cho một phần là 913.000đ.

Lần thứ hai: Bà hốt hui ngày 10 tháng 4 năm 2018 (nhằm ngày 25 tháng 02 năm 2018 Âm lịch), số tiền hui ông Q giao cho bà là 35.900.000đ. Tại thời điểm hốt hui là 12 kỳ hui chết, số tiền hui chết là 24.000.000đ, tiền hui sống là 11.900.000đ, 14 kỳ hui sống, hui sống đóng cho một lần cho một phần là 850.000đ.

Sau khi hốt hui bà đã đóng hui chết đầy đủ cho ông Q hàng tháng nhưng khi bà đóng hui chết cho ông Q không có biên bản giao nhận tiền, các lần đóng hui bà trực tiếp giao tiền cho ông Q, không có ai chứng kiến. Do đó, yêu cầu của ông Q, bà không đồng ý. Hui bà chơi với ông Q không có chơi giùm ai, hui chết bà đã đóng đầy đủ cho ông Q.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 271 và Điều 273, Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính Phủ về hui, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc buộc bà Nguyễn Thị N trả tiền hui.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Q tổng số tiền là 13.058.012đ (mười ba triệu không trăm năm mươi tám nghìn mười hai đồng), trong tiền gốc là 12.341.000đ (mười hai triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng) và tiền lãi là 717.012đ (bảy trăm mười bảy nghìn mười hai đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Q về yêu cầu bà N trả tiền một phần hui.

Về án phí: Ông Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Q đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 1.155.000đ (một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai số 0000275 ngày 20 tháng 02 năm 2020 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành được nhận lại.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 652.900đ (sáu trăm năm mươi hai nghìn chín trăm đồng), có nghĩa vụ nộp tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 21/5/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:* Về thủ tục: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng qui định về thủ tục tố tụng. Kháng cáo của bà N trong hạn luật định, đúng thủ tục, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ. Về nội dung: Ông Q khởi kiện yêu cầu bà N phải trả 07 phần hui chết chưa đóng có cung cấp nhiều lời khai của những hui viên trong dây hui xác nhận có biết bà N còn nợ ông Q 07 phần hui chết như ông Q trình bày, những người này phù hợp với danh sách hui viên ông Q cung cấp cũng như thừa nhận của bà N, nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà N phải trả cho ông Q 07 phần hui chết và tiền lãi là có cơ sở. Bà N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả 07 phần hui chết cho ông Q nên không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N trong hạn luật định, đúng thủ tục nên được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ông Q xác định bà N còn nợ tiền hui với 07 kỳ hui chết nhưng chỉ yêu cầu trả tiền hui gốc với số tiền 12.341.000đ và yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi là 0,83%/tháng, thời gian tính lãi là từ khi mãn hui đến ngày khởi kiện, 07 tháng với số tiền là 717.012đ. Tổng số tiền ông Q yêu cầu bà N trả cho ông là 13.058.012đ. Bà N đã thừa nhận có tham gia chơi hui, hót hui có nhận tiền hui như ông Q trình bày là đúng nhưng bà N cho rằng đã đóng đủ 07 kỳ hui chết cho ông Q.

[3] Trong quá trình chơi hui, ông Q và bà N đều khai thống nhất là chỉ khi giao tiền hui ông Q mới lập biên nhận, còn khi nhận tiền đóng hui sống hoặc hui chết thì ông Q không có làm biên nhận hoặc cho ký nhận mà chỉ ghi vào sổ theo dõi riêng của ông Q.

[4] Ông Q cho rằng bà N còn nợ 07 kỳ hui chết, bà N cho rằng đã đóng đầy đủ cho ông Q. Tuy nhiên những người chơi hui chung với bà N xác nhận là biết bà N còn nợ ông Q 07 kỳ hui chết như bà Nguyễn Thị Lệ H, bà Phạm Thị Kim D, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim T. Lời trình bày đã đóng đủ 07 kỳ hui chết của bà N không được ông Q thừa nhận. Bà N không có cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là đúng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà N phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Q tiền hui gốc và tiền lãi với số tiền 13.058.012đ là có cơ sở.

[5] Bà N kháng cáo không đồng ý án sơ thẩm, nhưng ngoài lời trình bày cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã đóng xong 07 kỳ hạn chắt như đã trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của bà N. Cần bác kháng cáo của bà N.

[6] Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên giữ y bản án dân sự sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Q tiền hạn gốc là số tiền là 12.341.000đ, tiền lãi là 717.012đ, tổng số tiền là 13.058.012đ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 652.900đ. Ông Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà N kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Giữ y bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 271 và Điều 273, Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính Phủ về hạn, họ, hạn, phường;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc buộc bà Nguyễn Thị N trả tiền hạn.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Q tổng số tiền là 13.058.012đ (*Mười ba triệu không trăm năm mươi tám nghìn mười hai đồng*), trong đó tiền gốc là 12.341.000đ (*Mười hai triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng*) và tiền lãi là 717.012đ (*Bảy trăm mười bảy nghìn mười hai đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Q về yêu cầu bà N trả tiền một phần hụi.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Q 1.155.000đ (*Một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000275 ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 652.900đ (*Sáu trăm năm mươi hai nghìn chín trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0000416 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành và đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật thi hành./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Lưu Văn Uẩn